

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 28-4-2021

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Trưởng

2. Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê T G, sinh năm 1958; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Lâm K P, sinh năm 1972; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

3. *Người làm chứng:* Ông Lưu T H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

Bà Lê T G và ông Lưu T H có mặt, bà Lâm K P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê T G trình bày: Bà P có tham gia 01 dây hui do bà G làm chủ thảo, dây hui 1.000.000 đồng, hui mở ngày 10-6-2019 âm lịch, loại hui tháng, dây hui gồm có 20 phần bà P tham gia 02 phần. Sau khi mở hui, bà P đã lĩnh hui 01 phần, còn 01 phần chưa lĩnh hui, đến hết kỳ thứ 06, các bên thống nhất ngừng dây hui. Như vậy bà P có nghĩa vụ đóng 14 kỳ hui là 14.000.000 đồng đối với phần hui đã lĩnh, khấu trừ 01 phần

hội còn lại đã đóng 06 kỳ là 6.000.000 đồng nên bà P nợ bà G số tiền hội là 8.000.000 đồng.

Bà G khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền hội là 8.000.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn bà Lâm K P*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lâm K P vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, bà Lê T G khởi kiện yêu cầu bà Lâm K P trả số tiền 8.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng dân sự về hội được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hội” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Lâm K P:

Xét thấy bà Lâm K P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm K P.

[3] Về việc bổ sung người làm chứng tham gia phiên tòa:

Tại phiên tòa, ông Lưu T H (con đẻ của bà Lâm K P) yêu cầu được tham gia phiên tòa vì được bị đơn bà Lâm K P ủy quyền nhưng thủ tục ủy quyền chưa được chứng thực hợp lệ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, ông H là người cùng tham gia dây hội chung với bà P, ông H nắm rõ nội dung vụ việc nên Hội đồng xét xử quyết định đưa ông H vào tham gia vụ án và tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê T G:

Căn cứ ý kiến của ông Lưu T H thể hiện ông H tham gia dây hội chung với bà P, ông H và bà G trình bày thống nhất dây hội nêu trên mở đến kỳ thứ 06 thì ngừng hội, bà P đã lĩnh hội 01 phần và còn 01 phần nên bà P còn nợ bà G số tiền 8.000.000 đồng. Ngoài ra, bà P đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ yêu cầu khởi kiện của bà G nhưng bà P không có ý kiến phản đối. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định tình tiết do bà G trình

bày là đúng sự thật và yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà P có nghĩa vụ trả tiền hụi là 8.000.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà G không yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 400.000 đồng, tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận.

Bà G được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 471 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê T G đối với bà Lâm K P.

Buộc bà Lâm K P trả cho bà Lê T G số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm K P có nghĩa vụ chịu án phí là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê T G có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lâm K P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng